

Số: Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt sửa đổi Hồ sơ mời thầu (E-HSMT)
Hình thức: Chào hàng cạnh tranh qua mạng
Gói thầu: Thi công cáp quang ODN các trung tâm
Dự án: Mở rộng cáp quang ODN tại các TTVT Đức Hòa, Đức Huệ, Bến
Cầu, Trảng Bàng, Gò Dầu đợt 1 năm 2026

GIÁM ĐỐC

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023; Căn cứ Luật sửa đổi số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 681/QĐ-TCCB/HĐQT ngày 06/12/2007 của Hội đồng quản trị (nay là Hội đồng thành viên Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam) về việc thành lập Viễn thông Tây Ninh – đơn vị kinh tế trực thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 215/QĐ-VNPT-HĐTV-NL ngày 01/10/2025 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Viễn thông Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 139/QĐ-VNPT-HĐTV-NL ngày 09/9/2025 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Viễn thông Tây Ninh;

Căn cứ quyết định số 284/QĐ-VNPT-TNH ngày 11/02/2026 của VNPT Tây Ninh v/v phê duyệt dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự án: Mở rộng cáp quang ODN tại các TTVT Đức Hòa, Đức Huệ, Bến Cầu, Trảng Bàng, Gò Dầu đợt 1 năm 2026;

Căn cứ quyết định số 400/QĐ-VNPT-TNH ngày 05/3/2026 của Giám đốc VNPT Tây Ninh v/v phê duyệt Hồ sơ mời thầu Chào hàng cạnh tranh qua mạng, gói thầu “Thi công cáp quang ODN các trung tâm”, thuộc dự án: “Mở rộng cáp quang ODN tại các TTVT Đức Hòa, Đức Huệ, Bến Cầu, Trảng Bàng, Gò Dầu đợt 1 năm 2026”;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kỹ thuật - Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt sửa đổi hồ sơ mời thầu (E-HSMT), hình thức “Chào hàng cạnh tranh qua mạng”, gói thầu “Thi công cáp quang ODN các trung tâm” thuộc dự

án “Mở rộng cấp quang ODN tại các TTVT Đức Hòa, Đức Huệ, Bến Cầu, Trảng Bàng, Gò Dầu đợt 1 năm 2026”.

- **Lý do sửa đổi:** Bên mời thầu rà soát số liệu dự toán, cập nhật số liệu trong biểu mẫu mời thầu.

- **Nội dung sửa đổi:** Điều chỉnh số liệu

Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU - Mẫu số 01A.
BẢNG KÊ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC.

(Đính kèm chi tiết)

Điều 2. Giao Phòng Kỹ thuật đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo E-HSMT được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông (bà): KTT, Trưởng Phòng: KT-KH, KT-ĐT chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- GD, PGD;
- KT-KH, KT-ĐT;
- Lưu VT, KT-ĐT(T.Phúc(2)).

GIÁM ĐỐC

Số eOffice: 144481 -VBĐT.

GHI TIẾT NỘI DUNG SỬA ĐỔI E-HSMT
Gói thầu: Thi công cáp quang ODN các trung tâm
Dự án: Mở rộng cáp quang ODN tại các TTVT Đức Hòa, Đức Huệ, Bến Cầu,
Trảng Bàng, Gò Dầu đợt 1 năm 2026

Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Mẫu số 01A. BẢNG KÊ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC.

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính
1	Khu vực vùng Đức Hòa		
1.1	Ra kéo, căng hãm cáp quang treo, loại cáp 6 sợi	30,45	km cáp
1.2	Ra kéo, căng hãm cáp quang treo, loại cáp 12 sợi	39,6	km cáp
1.3	Ra kéo, căng hãm cáp quang treo, loại cáp 24 sợi	16,75	km cáp
1.4	Hàn nối măng xông cáp sợi quang, loại cáp ≤ 12 FO	1	bộ MX
1.5	Hàn nối măng xông cáp sợi quang, loại cáp ≤ 24 FO	1	bộ MX
1.6	Hàn nối bộ chia quang, loại tủ thuê bao 2 lớp	253	đầu dây
1.7	Hàn nối cáp quang vào ODF, loại cáp ≤ 8 FO	60	bộ ODF
1.8	Hàn nối cáp quang vào ODF, loại cáp ≤ 10 FO	45	bộ ODF
1.9	Hàn nối cáp quang vào ODF, loại cáp ≤ 12 FO	26	bộ ODF
1.10	Hàn nối cáp quang vào ODF, loại cáp ≤ 24 FO	7	bộ ODF
1.11	Hàn nối cáp quang vào ODF, loại cáp ≤ 48 FO	1	bộ ODF
1.12	Lắp đặt các phụ kiện để treo cáp quang trên tuyến cột buu điện	112	cột
1.13	Lắp đặt các phụ kiện để treo cáp quang trên tuyến cột điện lực tròn	2198	cột
1.14	Lắp đặt đế ốp cột chữ U để treo kẹp cáp trên tuyến cột chiếu sáng	6	cột
1.15	Lắp đặt tủ treo trên cột: Lắp hộp OTB trên cột + lắp ống PVC dẫn cáp (vận dụng)	309	hộp
1.16	Lắp đặt khung giá đầu dây nhảy quang (ODF)	2	1 khung
1.17	Lắp dựng cột bê tông đơn loại 7 - 8m, cột không trang bị thu lôi, lắp dựng bằng cơ giới	1	cột
1.18	Sơn đánh số tuyến cột treo cáp	1	cột
1.19	Đào móng cột, trụ, hố kiểm tra bằng thủ công, rộng ≤ 1 m, sâu > 1 m, đất cấp III: Đào lỗ cột	0,46	m ³
1.20	Đắp đất nền móng công trình: Lắp chân cột	0,17	m ³
1.21	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn móng cột, móng vuông, chữ nhật: Bờ lóc cột	0,016	100m ²

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính
1.22	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông móng, chiều rộng ≤ 250 cm, đá 1x2, mác 250: Bờ lóc lốt	0,24	m ³
1.23	Đào rãnh đường ống, đường cáp bằng thủ công ≤ 1 m, sâu ≤ 1 m, cấp đất III: Đào rãnh tiếp địa	3,9375	m ³
1.24	Đắp đất nền móng công trình: Lấp rãnh tiếp đất	3,9375	m ³
1.25	Lắp đặt dây đất cho tuyến cột treo cáp	125	bộ
1.26	Đóng trực tiếp điện cực chiều dài 1,5 mét xuống đất. Kích thước điện cực L50x50x5	125	1 điện cực
1.27	Hàn điện cực tiếp đất với dây liên kết bằng phương pháp hàn điện Kích thước điện cực $\leq 50 \times 50 \times 5$ mm	125	1 điện cực
1.28	Vận chuyển cáp quang bằng cơ giới kết hợp với thủ công, cự ly ≤ 2 km	10,41	tấn
2	Khu vực vùng Đức Huệ		
2.1	Ra kéo, căng hãm cáp quang treo, loại cáp 6 sợi	15,45	km cáp
2.2	Ra kéo, căng hãm cáp quang treo, loại cáp 12 sợi	10,45	km cáp
2.3	Hàn nối bộ chia quang, loại tủ thuê bao 2 lớp	85	đầu dây
2.4	Hàn nối cáp quang vào ODF, loại cáp ≤ 8 FO	37	bộ ODF
2.5	Hàn nối cáp quang vào ODF, loại cáp ≤ 10 FO	9	bộ ODF
2.6	Hàn nối cáp quang vào ODF, loại cáp ≤ 12 FO	13	bộ ODF
2.7	Lắp đặt các phụ kiện để treo cáp quang trên tuyến cột buro điện	78	cột
2.8	Lắp đặt các phụ kiện để treo cáp quang trên tuyến cột điện lực tròn	614	cột
2.9	Lắp đặt tủ treo trên cột: Lắp hộp OTB trên cột + lắp ống PVC dẫn cáp (vận dụng)	105	hộp
2.10	Đào rãnh đường ống, đường cáp bằng thủ công ≤ 1 m, sâu ≤ 1 m, cấp đất III: Đào rãnh tiếp địa	0,756	m ³
2.11	Đắp đất nền móng công trình: Lấp rãnh tiếp đất	0,756	m ³
2.12	Lắp đặt dây đất cho tuyến cột treo cáp	24	bộ
2.13	Đóng trực tiếp điện cực chiều dài 1,5 mét xuống đất. Kích thước điện cực L50x50x5	24	1 điện cực
2.14	Hàn điện cực tiếp đất với dây liên kết bằng phương pháp hàn điện Kích thước điện cực $\leq 50 \times 50 \times 5$ mm	24	1 điện cực
2.15	Vận chuyển cáp quang bằng cơ giới kết hợp với thủ công, cự ly ≤ 2 km	2,93	tấn
3	Khu vực vùng II TN		
3.1	Ra kéo, căng hãm cáp quang treo, loại cáp 6 sợi	50,25	km cáp
3.2	Ra kéo, căng hãm cáp quang treo, loại cáp 12 sợi	8,12	km cáp
3.3	Ra kéo, căng hãm cáp quang treo, loại cáp 48 sợi	2,93	km cáp
3.4	Ra kéo cáp quang trong cống bê tông có sẵn, loại cáp 12 sợi	0,73	km cáp

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính
3.5	Ra kéo cáp quang trong công bê có sẵn, loại cáp 48 sợi	0,92	km cáp
3.6	Hàn nối mẫn xông cáp sợi quang, loại cáp <= 48 FO	4	bộ MX
3.7	Hàn nối bộ chia quang, loại tủ thuê bao 2 lớp	164	đầu dây
3.8	Hàn nối cáp quang vào ODF, loại cáp <= 8 FO	92	bộ ODF
3.9	Hàn nối cáp quang vào ODF, loại cáp <= 10 FO	1	bộ ODF
3.10	Hàn nối cáp quang vào ODF, loại cáp <= 12 FO	14	bộ ODF
3.11	Hàn nối cáp quang vào ODF, loại cáp <= 24 FO	2	bộ ODF
3.12	Hàn nối cáp quang vào ODF, loại cáp <= 48 FO	5	bộ ODF
3.13	Lắp đặt các phụ kiện để treo cáp quang trên tuyến cột buro điện	909	cột
3.14	Lắp đặt các phụ kiện để treo cáp quang trên tuyến cột điện lực tròn	768	cột
3.15	Nối cột bê tông bằng sắt L, loại sắt nối dài 2m	17	thanh
3.16	Lắp đặt tủ treo trên cột: Lắp hộp OTB trên cột + lắp ống PVC dẫn cáp (vận dụng)	207	hộp
3.17	Lắp dựng cột bê tông đơn loại 7 - 8m, cột không trang bị thu lôi, lắp dựng bằng cơ giới	28	cột
3.18	Sơn đánh số tuyến cột treo cáp	28	cột
3.19	Đào móng cột, trụ, hố kiểm tra bằng thủ công, rộng <= 1m, sâu > 1m, đất cấp III: Đào lỗ cột	11,47	m ³
3.20	Đắp đất nền móng công trình: Lắp chân cột	6,21	m ³
3.21	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn móng cột, móng vuông, chữ nhật: Bờ lóc cột	0,256	100m ²
3.22	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông móng, chiều rộng ≤ 250 cm, đá 1x2, mác 250: Bờ lóc lốt	3,75	m ³
3.23	Đào rãnh đường ống, đường cáp bằng thủ công <= 1 m, sâu <= 1m, đất cấp III: Đào rãnh tiếp địa	2,3625	m ³
3.24	Đắp đất nền móng công trình: Lắp rãnh tiếp đất	2,3625	m ³
3.25	Lắp đặt dây đất cho tuyến cột treo cáp	75	bộ
3.26	Đóng trực tiếp điện cực chiều dài 1,5 mét xuống đất. Kích thước điện cực L50x50x5	75	1 điện cực
3.27	Hàn điện cực tiếp đất với dây liên kết bằng phương pháp hàn điện Kích thước điện cực <= 50x50x5mm	75	1 điện cực
3.28	Vận chuyển cáp quang bằng cơ giới kết hợp với thủ công, cự ly <= 2km	6,96	tấn
4	Khu vực vùng III TN		
4.1	Ra kéo, căng hãm cáp quang treo, loại cáp 6 sợi	29,89	km cáp
4.2	Ra kéo, căng hãm cáp quang treo, loại cáp 12 sợi	6,65	km cáp
4.3	Ra kéo, căng hãm cáp quang treo, loại cáp 24 sợi	0,35	km cáp
4.4	Ra kéo, căng hãm cáp quang treo, loại cáp 48 sợi	1,3	km cáp

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính
4.5	Ra kéo cáp quang trong cống bê có sẵn, loại cáp 06 sợi	0,06	km cáp
4.6	Hàn nối bộ chia quang, loại tủ thuê bao 2 lớp	154	đầu dây
4.7	Hàn nối cáp quang vào ODF, loại cáp <= 8 FO	39	bộ ODF
4.8	Hàn nối cáp quang vào ODF, loại cáp <= 10 FO	31	bộ ODF
4.9	Hàn nối cáp quang vào ODF, loại cáp <= 12 FO	4	bộ ODF
4.10	Hàn nối cáp quang vào ODF, loại cáp <= 24 FO	2	bộ ODF
4.11	Hàn nối cáp quang vào ODF, loại cáp <= 48 FO	5	bộ ODF
4.12	Lắp đặt các phụ kiện để treo cáp quang trên tuyến cột buro điện	567	cột
4.13	Lắp đặt các phụ kiện để treo cáp quang trên tuyến cột điện lực tròn	517	cột
4.14	Nối cột bê tông bằng sắt L, loại sắt nối dài 2m	15	thanh
4.15	Lắp đặt tủ treo trên cột: Lắp hộp OTB trên cột + lắp ống PVC dẫn cáp (vận dụng)	205	hộp
4.16	Lắp dựng cột bê tông đơn loại 7 - 8m, cột không trang bị thu lôi, lắp dựng bằng cơ giới	23	cột
4.17	Sơn đánh số tuyến cột treo cáp	23	cột
4.18	Đào móng cột, trụ, hố kiểm tra bằng thủ công, rộng <= 1m, sâu > 1m, đất cấp III: Đào lỗ cột	10,17	m3
4.19	Đắp đất nền móng công trình: Lắp chân cột	4,48	m3
4.20	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn móng cột, móng vuông, chữ nhật: Bờ lóc cột	0,304	100m2
4.21	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 1x2, mác 250: Bờ lóc lốt	4,46	m3
4.22	Đào rãnh đường ống, đường cáp bằng thủ công <= 1 m, sâu <= 1m, cấp đất III: Đào rãnh tiếp địa	1,2915	m3
4.23	Đắp đất nền móng công trình: Lắp rãnh tiếp đất	1,2915	m3
4.24	Lắp đặt dây đất cho tuyến cột treo cáp	41	bộ
4.25	Đóng trực tiếp điện cực chiều dài 1,5 mét xuống đất. Kích thước điện cực L50x50x5	41	l điện cực
4.26	Hàn điện cực tiếp đất với dây liên kết bằng phương pháp hàn điện Kích thước điện cực <= 50x50x5mm	41	l điện cực
4.27	Vận chuyển cáp quang bằng cơ giới kết hợp với thủ công, cự ly <= 2km	4,22	tấn
5	Xây lắp cống bê		
5.1	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông hố van, hố ga, đá 1x2, mác 250	1,87	m3
5.2	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn móng cột, móng vuông, chữ nhật	0,1306	100m2
5.3	Gia công cấu kiện thép đặt sẵn trong bê tông, khối lượng	0,1175	tấn

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính
	một cấu kiện <= 50 kg		
5.4	Thép L75x75x8	96,05	kg
5.5	Thép dẹt 300x80x8	21,42	kg
5.6	Lắp đặt cấu kiện thép đặt sẵn trong bê tông, khối lượng một cấu kiện <= 50 kg	0,1144	tấn
5.7	Sơn sắt thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	4,18	m2
5.8	Đào bê cấp bằng thủ công, rộng <= 1m, sâu <= 1m, đất cấp II	5,23	m3
5.9	Đắp đất nền móng công trình, nền đường bằng thủ công	1,1	m3
5.10	Cắt sàn bê tông bằng máy, chiều dày sàn <=10cm	20,3	1m
5.11	Phá dỡ kết cấu bê tông không cốt thép bằng máy khoan bê tông 1,5kW	0,57	m3
5.12	Gia công cấu kiện thép đặt sẵn trong bê tông, khối lượng một cấu kiện <= 20 kg: Cốt thép bê tông bảo vệ cấp dọc dọc mương nước	0,0048	tấn
5.13	Thép L40x40x4	4,8	kg
5.14	Lắp đặt cấu kiện thép đặt sẵn trong bê tông, khối lượng một cấu kiện <= 20 kg: Cốt thép bê tông bảo vệ cấp dọc dọc mương nước	0,0048	tấn
5.15	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông nền, đá 1x2, mác 150: Bê tông hoàn trả	0,07	m3
6	Vật tư xây lắp công bệ		
6.1	Cát vàng	1,0058	m3
6.2	Dây thép	1,0668	kg
6.3	Đá 1x2	1,657	m3
6.4	Đá cắt	0,9947	viên
6.5	Đá mài	0,4796	viên
6.6	Đinh	1,4366	kg
6.7	Gỗ đà nẹp	0,0599	m3
6.8	Gỗ ván	0,1037	m3
6.9	Khí gas	0,6606	kg
6.10	Nước	363,8955	lít
6.11	Ô xy	0,3303	chai
6.12	Que hàn	1,727	kg
6.13	Sơn lót	0,4723	kg
6.14	Sơn phủ	0,8778	kg
6.15	Thép dẹt 300x80x8	21,42	kg
6.16	Thép L40x40x4	4,8	kg
6.17	Thép L75x75x8	96,05	kg

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính
6.18	Thép tấm	4,6988	kg
6.19	Thép tròn	2,8478	kg
6.20	Xi măng PCB30	709,1155	kg
7	Vật tư thi công cáp quang		
7.1	ODF 12FO gắn rack 19" SC/APC, đủ phụ kiện	18	bộ
7.2	ODF 24FO gắn rack 19" SC/APC, đủ phụ kiện	8	bộ
7.3	ODF 48FO gắn rack 19" SC/APC, đủ phụ kiện	3	bộ
7.4	Tủ tập trung có sẵn 5 module 96FO, dung lượng mở rộng 1920FO	1	cái
7.5	Khung rack 19" - U36	2	cái
7.6	Adapter SC/APC	12	cái
7.7	Ống co nhiệt	12	cái
7.8	Dây nối quang 12 sợi SC/APC - 1,5m	1	tép
7.9	Cột bê tông tròn 7m, mẫu 7.B-R-65.II	40	cái
7.10	Cột bê tông tròn 8m, mẫu 8.A-R-65.II	12	cái
7.11	Sắt nối L80x80x8-2000 mm	32	thanh
7.12	Cọc đất L50x50x5-1.500 mạ kẽm	265	cọc
7.13	Cát vàng	4,4946	m ³
7.14	Đá dăm 1x2 cm	7,4022	m ³
7.15	Nước	1584,5018	lít
7.16	Asitol	102,331	lít
7.17	Băng cách điện N.1	228,48	cuộn
7.18	Bu lông M14x65	32	bộ
7.19	Bu lông M14x250	1762	bộ
7.20	Bu lông M14x350	4097	cái
7.21	Đế ốp cột chữ U + Bu lông cổ vuông M14x70	6	bộ
7.22	Khóa + đai inox A200; 200mmx0,4mm	2459	bộ
7.23	Kẹp 2 rãnh 3 lỗ (120x40x4)	5769	cái
7.24	Móc chữ J	29	cái
7.25	Cồn công nghiệp	23,2	kg
7.26	Dây thép bện 7x1,6mm	1855	m
7.27	Đinh các loại	8,64	kg
7.28	Gỗ ván khuôn	0,4573	m ³
7.29	Gỗ đà nẹp	0,121	m ³
7.30	Gỗ chống	0,193	m ³
7.31	Giấy giáp số 0	1	tờ
7.32	Giấy lau mịn TISSU	331,37	hộp
7.33	Giẻ lau	8,52	kg

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính
7.34	Mỡ bôi trơn	3,42	kg
7.35	Ốc xiết dây đất và cáp	530	bộ
7.36	Que hàn	39,75	kg
7.37	Sơn màu	7,376	kg
7.38	Chổi quét sơn	1,56	cái
7.39	Thép ϕ 1	6,625	kg
7.40	Thép ϕ 4	17,1	kg
7.41	Xăng A92	1,71	lít
7.42	Xi măng PC 40	2607,0363	kg
7.43	Ống nhựa PVC ϕ 60	826	m
7.44	Ống thép mạ kẽm ϕ 21x1,4mm	795	m